

Bản án số: 45/2022/HSST
Ngày 25-5-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH HÀ PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo: Nguyễn Đức H, sinh năm 1989. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 09, xã Đ (nay là khu 02, xã H), huyện H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1957; con bà Dương Thị H, sinh năm 1963. Bị cáo có vợ là Dương Thị P (đã ly hôn) và 02 người con; con lớn sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/7/2018, Nguyễn Đức H bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn khởi tố về tội Trộm cắp tài sản theo quyết định khởi tố bị can số 245, ngày 13/01/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 03, thay đổi quyết định khởi tố bị can số 245; khởi tố bị can Nguyễn

Đức H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 30/11/2021, chuyển tạm giam ngày 03/12/2021, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại nhà giam giữ Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Tại danh chỉ bản số 262 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 01/12/2021).

Người bị hai: Chị Lê Thị M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 01, xã T (nay là khu 06, xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu 02, phường T (nay là khu P, phường H), thị xã P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có quan hệ quen biết nhau từ trước, nên vào khoảng 07 giờ ngày 06/5/2016, tại trạm thu phí IC 10 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc khu 09, xã S, (nay là khu S, thị trấn C) huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nguyễn Đức H mượn của chị Lê Thị M một chiếc xe mô tô BKS 19K1 - 186.02 nhãn hiệu HONDA, số loại VISION và giấy tờ xe để đi có việc và hẹn mấy ngày sau sẽ trả. Chị M đồng ý và đưa xe mô tô cùng một chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị M cho H. Sau khi mượn được xe của M, H đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, H mang chiếc xe trên cùng toàn bộ giấy tờ xe đến cầm cố cho chị Lê Thị T ở khu T, thị xã P lấy số tiền 20.000.000đồng. Do không thấy H trả xe nên chị M liên tục gọi điện và yêu cầu H phải trả xe, nhưng H luôn tìm có để né tránh, sau đó H đã bỏ trốn khỏi địa phương còn số tiền 20.000.000đồng H đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/5/2016, chị M đã gửi đơn tố cáo hành vi H mượn xe mô tô của chị đến Công an huyện Cẩm Khê đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2016, Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số 67 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cẩm Khê định giá chiếc xe mô tô BKS 19K1 - 186.02.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cẩm Khê kết luận: Tính đến thời điểm ngày 06/5/2016, chiếc xe mô tô BKS 19K1 - 186.02 có giá trị 32.000.000đồng.

Ngày 09/9/2016, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê ra quyết định truy nã số 05 đối với Nguyễn Đức H. Ngày 30/11/2021, Nguyễn Đức H bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an tỉnh Phú Thọ bắt khi đang lẩn trốn tại Thành phố Hà Nội.

Cáo trạng số 27/CT-VKSCK-HS ngày 14/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Đức H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/11/2021.

Về hình phạt bổ sung:

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức H.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại các vật chứng cho chủ sở hữu bao gồm:

Ngày 20/7/2016, cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả cho chị Lê Thị M các tài liệu sau đây:

01 xe mô tô BKS 19K1 - 186.02, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy 58E0156149; số khung 5803EY156062;

01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001881, biển số đăng ký 19K1 - 186.02 tên chủ xe Lê Thị M.

01 giấy phép lái xe số AN479802 tên Lê Thị M.

01 giấy chứng minh nhân dân 132013992 tên Lê Thị M.

Đối với 01 giấy biên nhận vay tiền lập ngày 06/5/2016 giữa người vay là Nguyễn Đức H và chủ hiệu cầm đồ bà Lê Thị T là vật chứng của vụ án, được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm Dân sự: Chị M không yêu cầu Nguyễn Đức H phải bồi thường thiệt hại cho chị M, nên đề nghị không giải quyết.

Bà Lê Thị T yêu cầu Nguyễn Đức H bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 20.000.000đồng. Hiện nay H chưa bồi thường. Do đó, phải buộc H bồi thường thiệt hại số tiền này cho bà T.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 236/2016.UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.000.000đồng án phí Dân sự trong vụ án hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. *Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:*

Do có quan hệ quen biết giữa bị cáo Nguyễn Đức H và chị Lê Thị M, đến khoảng 07 giờ ngày 06/5/2016, tại trạm thu phí IC 10, Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc khu 09, xã S (nay là khu S, thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nguyễn Đức H sau khi mượn xe mô tô BKS 19K1 - 186.02 nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy 58E0156149; số khung 5803EY156062; trị giá tài sản là 32.000.000đồng, cùng giấy tờ xe của chị Lê Thị M để đi có việc, sau khi mượn được xe, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên H đã mang chiếc xe trên đến hiệu cầm đồ để cầm được số tiền 20.000.000đồng, số tiền này H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết sau đó H bỏ trốn. Hành vi của H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại thời điểm bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội xảy ra trước ngày 01/01/2018; mà khung hình phạt quy định tại Điều 140 của bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thấp hơn so với khung hình phạt quy định tại điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Như vậy, bản cáo trạng số 27/CT-VKSCK-HS ngày 14/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội. Điều luật quy định:

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó”.

Đối với bà Lê Thị T: Khi nhận cầm cố chiếc xe của bị cáo H nhưng bà T không biết chiếc xe mô tô trên H có được do phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê không đề cập xử lý đối với bà T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội lỗi cố ý; mức độ tội phạm là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm chế độ sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo H phải bị xử lý nghiêm.

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:*

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Ngày 18/7/2018, Nguyễn Đức H bị cơ quan cảnh

sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn khởi tố về tội Trộm cắp tài sản theo quyết định khởi tố bị can số 245, ngày 13/01/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 03, thay đổi quyết định khởi tố bị can số 245; khởi tố bị can Nguyễn Đức H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, bị cáo có nhân thân xấu.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Đức H mới đảm bảo trừng trị, giáo dục và phòng ngừa trong xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

“5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”.

Xét thấy: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

Ngày 20/7/2016, cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả cho chị Lê Thị M các tài liệu sau đây:

01 xe mô tô BKS 19K1 - 186.02, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy 58E0156149; số khung 5803EY156062;

01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001881, biển số đăng ký 19K1 - 186.02 tên chủ xe Lê Thị M.

01 giấy phép lái xe số AN479802 tên Lê Thị M.

01 giấy chứng minh nhân dân 132013992 tên Lê Thị M.

Xét thấy việc xử lý và trả các vật chứng là có căn cứ nên cần xác nhận.

Đối với 01 giấy biên nhận vay tiền lập ngày 06/5/2016 giữa người vay là Nguyễn Đức H và chủ hiệu cầm đồ là Lê Thị T thể hiện là giấy vay tiền. Tuy nhiên, thực tế các bên thừa nhận đó là giấy biên nhận số tiền chị T cầm cố chiếc xe mô tô BKS 19K1 - 186.02, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy 58E0156149; số khung 5803EY156062 của bị cáo H. Vì vậy đây là chứng cứ để

làm căn cứ xác định bị cáo H đã cầm cố chiếc xe cho bà T và bà T đã giao số tiền 20.000.000đồng cho bị cáo H. Cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7]. *Về Trách nhiệm Dân sự*: Bị cáo H đã cầm cố chiếc xe cho bà T, bà T đã giao số tiền 20.000.000đồng cho bị cáo H. Do đó, cần buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị T.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Đức H

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 30/11/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xác nhận, ngày 20/7/2016, cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả cho chị Lê Thị M các tài liệu sau đây:

01 xe mô tô BKS 19K1 - 186.02, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số máy 58E0156149; số khung 5803EY156062;

01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001881, biển số đăng ký 19K1 - 186.02 tên chủ xe Lê Thị M.

01 giấy phép lái xe số AN479802 tên Lê Thị M.

01 giấy chứng minh nhân dân 132013992 tên Lê Thị M.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải bồi thường cho bà Lê Thị T số tiền

20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ (Một triệu đồng) án phí Dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo. Người bị hại vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu HS+VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hán Hưởng

